

Bản án số: 125/2018/HSST
Ngày 18-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Tô Thị Lành**

2. Ông: **Nghiêm Thế Hùng**

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Khoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2018/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2018/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T, sinh năm: 1973 tại Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Đường Đ, tổ 4, phường I, TP.P, tỉnh G; nghề nghiệp: cắt tóc; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông: Nguyễn Đ (đã chết) và bà Lê Thị B, sinh năm 1937; Có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979 và 01 con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 07/5/2018 bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt

- Bị hại:

Bà Hà T. H. N, sinh năm: 1992 .

Trú tại: 19 Phùng K, phường Y, TP.P, tỉnh G. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Đặng V. B, sinh năm: 1959.

Trú tại: 107Hoàng. V, phường D, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16g30 phút ngày 05/3/2018 Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu AirBlade biển số 81B1 – 256.14 đi đến cửa hàng tạp hóa T tại số nhà 25 đường Hoàng. V. T, phường I, TP.P, tỉnh G để mua áo choàng cắt tóc, thì chị Hà T. T. H. N (là nhân viên bán hàng) lấy áo choàng cắt tóc đưa cho T và tính tiền 30.000đ. Khi mang áo đến bàn tính tiền, T gặp ông Đặng V. B là người ngồi thu tiền đang ngồi tại quầy, ông B tính tiền cho T, thì T nhìn thấy chiếc điện thoại iPhone 7 màu trắng - hồng kèm theo sim số có ốp bằng nhựa dẻo bên trong có 175.000đ của chị N để trên bàn tính tiền, nhìn thấy điện thoại và thấy sơ hở nên Thịnh lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi đen đựng áo choàng cắt tóc rồi ra điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi về nhà T mở điện thoại nhưng không được do điện thoại có cài mật khẩu nên T bỏ vào túi áo khoác và treo trong phòng ngủ. Sau khi T ra về khoảng 5 phút thì chị N phát hiện ra mất điện thoại nên mở camera của cửa hàng ra xem thì phát hiện T là người đã lấy chiếc điện thoại nói trên của chị N. Đến sáng ngày 06/3/2018 chị N đến báo công an phường I, TP.P, tỉnh G. Đến 13g30 ngày 06/3/2018 Nguyễn V. T đã đến công an phường I đầu thú và giao nộp chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 7 màu trắng – hồng cùng ốp điện thoại nhựa dẻo (đã bị rách kích thước dài 3cm) kèm theo sim số và số tiền 175.000đ mà T đã lấy của chị N.

Qua định giá , kết luận: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 7 màu trắng – hồng, có số IMEI: 3535298 6148552 đã trừ khấu hao có giá trị 7.500.000đ, sau khi định giá xong, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP.P đã trả lại chiếc điện thoại cùng với số tiền 175.000đ nêu trên cho chị HàT. H. N, hiện bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với chiếc ốp lưng điện thoại bằng nhựa dẻo đã rách do không còn giá trị sử dụng nên không có cơ sở để Hội đồng định giá.

Bản cáo trạng số 115/CT-VKS ngày 26/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo Nguyễn V. T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Nguyễn V. T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn. V. T, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn V. T mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo vào trại thi hành án.

- Phần bồi thường dân sự: tài sản đã thu hồi và trả lại cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: không có.

Bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn V. T nói lời nói sau cùng: Do bị cáo hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa ngày hôm nay hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, các lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định:

- Vào lúc 16g30 phút ngày 05/3/2018 Nguyễn V. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu AirBlade biển số 81B1 – 256.14 đi đến cửa hàng tạp hóa T tại số nhà 25 đường Hoàng. V. T, phường I, TP.P, tỉnh G để mua áo choàng cắt tóc, thì chị Hà T. H. N (là nhân viên bán hàng) lấy áo choàng cắt tóc đưa cho T và tính tiền 30.000đ. Khi mang áo đến bàn tính tiền, T gặp ông Đặng V. B là người ngồi thu tiền đang ngồi tại quầy, ông B tính tiền cho T, thì T nhìn thấy chiếc điện thoại iPhone 7 màu trắng - hồng kèm theo sim số có ốp bằng nhựa dẻo bên trong có 175.000đ của chị N để trên bàn tính tiền, nhìn thấy điện thoại và thấy sơ hở nên T lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi đen đựng áo choàng cắt tóc rồi ra điều khiển xe mô tô đi về nhà và cất giấu. Sau khi T ra về khoảng 5 phút thì chị N phát hiện ra mất điện thoại nên mở camera của cửa hàng ra xem thì phát hiện T là người đã lấy chiếc điện thoại nói trên của chị N. Đến sáng ngày 06/3/2018 chị N đến báo công an phường I, TP.P, tỉnh G. Đến 13g30 ngày 06/3/2018 Nguyễn V. T đã đến công an phường I đầu thú và giao nộp chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 7 màu trắng – hồng cùng ốp điện thoại nhựa dẻo (đã bị rách kích thước dài 3cm) kèm theo sim số và số tiền 175.000đ mà T đã lấy của chị N.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân, mà

bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành trộm cắp, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp có tổng giá trị là 7.675.000đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn V. T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên toà hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xét thấy có thể cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt đã phạm thấy cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã giao nộp lại tài sản trộm cắp và người bị hại cũng không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn V. T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn V. T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, về việc hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn V. T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo vào trại thi hành án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn V. T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331,333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Báo cho: bị cáo Nguyễn V. T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/9/2018). Người bị hại chị Hà T. H. N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng V. B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Hồng